



## BÁO CÁO

*"Vv: Công bố báo cáo thường niên năm tài chính 2010"*

### I. THÔNG TIN CHUNG :

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1
Tên giao dịch quốc tế	: Song Da 10.1 Joint - Stock Company
Tên viết tắt:	: Song Da 10.1 JSC
Mã giao dịch chứng khoán	: SNG
Biểu tượng	: Lô gô Sông Đà
Vốn điều lệ	: 38.950.000.000, VND
Trụ sở chính của Công ty	: Iamonông - Chupăh - Gia Lai.
Văn phòng giao dịch	: 138 Lê Lợi - TP Pleiku - Gia Lai

### II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 được thành lập theo quyết định số: 979/QĐ-BXD ngày 22 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng bộ xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 20/07/2004, hoạt động theo giấy phép kinh doanh số: 5900320001 đăng ký lần đầu ngày 20/07/2004, thay đổi lần 4 ngày 12/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là:

- Xây dựng công trình thủy điện, thuỷ lợi, giao thông, dân dụng.
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất.
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông.
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng.
- Gia công cơ khí, sửa chữa ô tô, xe máy.
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng chở hàng hoá, vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ xây dựng có trọng tải đến 40 tấn.
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm.

Công ty được kế thừa một đội ngũ gần 500 CBCNV của Xí nghiệp Sông Đà 10.1 có trình độ, tay nghề cao, bề dày kinh nghiệm trong thi công một số công trình thủy điện với truyền thống thi công xây lắp, khoan nổ cho các công trình thủy điện lớn; thi công các công trình giao thông, dân dụng, nhà ở như: Thủy điện Hòa bình,

thủy điện Yaly, thủy điện Sê San 3, thủy điện Sê San 3A, thủy điện Pleikrông, thủy điện Sê San 4, thủy điện Cần Đon, thủy điện SrokPhuMiêng, thủy điện An Khê - KaNak và một số công trình công nghiệp, dân dụng.. đã tạo được uy tín đối với các ban quản lý, ban điều hành trong khu vực và Tập đoàn Sông Đà về tiến độ và chất lượng công trình. Từ khi thành lập Công ty không ngừng hoàn thiện mô hình, cơ cấu bộ máy tổ chức nhằm tinh giản gọn nhẹ, giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao hiệu quả trong SXKD. Hiện nay Công ty đang tham gia thi công một số hạng mục chính tại các công trình: Thủy điện Đồng Nai 4, Đăk Mi 4; Xêkaman 1 tại CHDCND Lào;...với giá trị SXKD bình quân năm đạt 200-:250 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 15 - 20 tỷ đồng/năm, đảm bảo ổn định mức thu nhập bình quân đầu người 6,0-:-7,0 triệu đồng/tháng. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã khẳng định được thương hiệu uy tín trên địa bàn, tạo được lòng tin của khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp.

Là đơn vị đại diện cho Tập đoàn Sông Đà và công ty mẹ, chuyên hoạt động thi công xây dựng các công trình thủy điện, thuỷ lợi và các công trình dân dụng khác trên địa bàn Miền Trung Tây Nguyên. Sau gần mươi năm gắn bó với thị trường, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 đã khẳng định được năng lực và truyền thống sẵn có trên địa bàn, tạo được uy tín cho các sản phẩm của Công ty đối với khách hàng trở thành thương hiệu không thể thiếu trong sự lựa chọn của chủ đầu tư. Các sản phẩm chính của Công ty có thể chia thành những nhóm như sau:

+ **Nhóm sản phẩm dịch vụ khoan nổ:** Phục vụ các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi và dân dụng như nhà máy thủy điện, các công trình ngầm, cầu, đường bộ, đập ngăn nước, kênh dẫn nước, cửa nhận nước, cống, kênh mương, nhà xưởng công nghiệp và dân dụng...vv

+ **Nhóm sản phẩm khác bao gồm:** Nhóm sản phẩm dịch vụ khoan phun phục vụ gia cố, chống thấm nền tường, xử lý rò rỉ các hạng mục công trình thủy điện, thuỷ lợi, giao thông dân dụng vv.... Không giới hạn quy mô công trình, nhóm sản phẩm dịch vụ cầu kiện bê tông cốt thép phục vụ sản xuất thi công các cầu kiện bê tông cốt thép, bê tông đập dang, bê tông vá các công trình ngầm, bê tông đúc sẵn vv....

Các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ qua tất cả các Công đoạn sản xuất, các bộ phận thực thi theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, đáp ứng được mục tiêu chất lượng mà Ban lãnh đạo Công ty đề ra, ngày càng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và tạo dựng uy tín vững chắc cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

### **III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **1- Những nét nổi bật kết quả hoạt động năm 2010:**

Năm 2010 Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 chủ yếu thi công xây lắp một số công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp như: Công trình TD Đồng Nai 4, Sê San 4, Mỏ VIETMIDO, Đăk Mi 4, Xêkaman1 tại nước CHDCND Lào,..... đã đạt được một số kết quả về một số chỉ tiêu kinh tế:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2010	TH năm 2010	Tỷ lệ HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	260.232	241.508	92,8%
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	230.313	215.204	93,4%
3	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	45.000	38.950	86,6%
4	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	18.332	16.852	91,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	30.108	27.310	90,7%
-	<i>Lợi nhuận/doanh thu</i>	%	<i>13,01%</i>	<i>12,69%</i>	<i>97,1%</i>
-	<i>Lợi nhuận/vốn chủ SH</i>	%	<i>33,9%</i>	<i>24,75%</i>	<i>73,0%</i>
6	Nhân lực	Người	650	453	74,3%
7	Thu nhập bình quân	10 <sup>6</sup> đ/th	6,73	6,62	98,4%

## 2- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010:

### 2.1 - Những kết quả đạt được:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả và có tích luỹ phát triển. Mức tăng trưởng năm 2010 tăng 120,6% so với năm 2009.
- Hoàn thành tốt các mục tiêu tiến độ các công trình theo kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận năm 2010 đạt cao 27,3 tỷ đồng, thu nhập và đời sống CBCNV không ngừng được nâng cao và cải thiện. Điều này cho thấy sự nỗ lực trong công tác chỉ đạo điều hành sản xuất của Công ty trong năm vừa qua.
- Bộ máy tổ chức và quản lý doanh nghiệp được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả theo mô hình công ty cổ phần.
- Công tác quản lý từ Công ty đến các chi nhánh, các đơn vị, các bộ phận trực thuộc đi vào nề nếp theo quy định phân cấp quản lý.
- Công tác khoán và hạch toán kết quả SXKD đã được triển khai đồng bộ tới các Chi nhánh.
- Công tác quảng bá nâng cao năng lực và thương hiệu của Công ty được chú trọng nâng cao.
- Công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công để đảm bảo tiến độ và kế hoạch SXKD đã được triển khai theo lộ trình hợp lý, hiệu quả. Chủ động tham gia các dự án đầu tư tài chính vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ: Thuỷ điện Đăk Doa, thủy điện Ia hiao,...Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường việc làm, thị trường đầu tư nhằm phát huy năng lực thiết bị xe máy và lợi thế ngành nghề, thay đổi dần cơ cấu SXKD của Công ty.
- Công ty đã ban hành định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, quy định về công tác quản lý, sử dụng vật tư, phụ tùng, xe máy thiết bị trong xây lắp phù hợp với yêu cầu sản xuất, nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm tới bộ phận quản lý và bộ phận sản xuất.
- Hoàn thành việc xây dựng bộ đơn giá nội bộ cho từng công trường, làm cơ sở giao khoán và quyết toán chi trả lương hàng tháng kịp thời cho các bộ phận sản xuất, người lao động đảm bảo minh bạch.
- Hàng tháng, quý kịp thời lập kế hoạch sản xuất làm cơ sở cho việc chuẩn bị các điều kiện sản xuất để tổ chức sản xuất, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ các công nợ phát sinh và thường xuyên đối chiếu công nợ với các khách hàng, cá nhân trong đơn vị nhằm kiểm soát và ngăn ngừa các khoản nợ xấu.
- Trong quan hệ với các bạn hàng cung cấp, Công ty luôn thể hiện sự hợp tác cao và đã được các bạn hàng tin cậy.
- Trong quan hệ với NSNN và các tổ chức xã hội Công ty luôn thực hiện nghĩa vụ kịp thời.

### **2.2 - Những kết quả chưa đạt trong công tác sản xuất kinh doanh:**

- Một số chỉ tiêu kinh tế chưa đạt so với kế hoạch đề ra, đặc biệt là giá trị sản lượng và doanh thu. Một số mục tiêu tiến độ công trình bị vỡ kế hoạch, công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn còn nhiều tồn tại:
  - \* *Nguyên nhân khách quan:*
- Nhiều hạng mục công trình đưa vào kế hoạch nhưng triển khai chậm do sự chuẩn bị của chủ đầu tư chưa đầy đủ. Cơ chế nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn còn nhiều vướng mắc (Công trình thủy điện Đồng Nai 4, Ankhê-Kanak, Xêcamản 1).
- Do việc phân chia thành phần công việc giữa các đơn vị thi công chưa hợp lý rõ ràng, nên đơn vị khó chủ động thực hiện mục tiêu tiến độ tại các hạng mục công trình phải thi công xen kẽ với các đơn vị khác. (Công trình thủy điện Ankhê-Kanak).
- Điều kiện địa lý, thời tiết, giao thông vận tải, thông tin liên lạc gặp nhiều khó khăn đặc biệt là Công trình thủy điện Xêcamản 1.
- \* *Nguyên nhân Chủ quan:*
- Hiệu quả công tác quản lý, tổ chức, điều hành sản xuất kinh doanh ở một số công trường chưa cao.
- Công tác chuẩn bị thi công còn thiếu đồng bộ, bị động trong việc lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.
- Lực lượng cán bộ kỹ thuật làm công tác nghiệm thu, thu hồi vốn chưa đủ mạnh.

### **3- Kế hoạch năm 2011:**

#### **a) Danh mục các công trình thi công năm 2011**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Ghi chú
*	Tổng sản lượng	$10^6$ đ	326.551	
I	Sản lượng xây lắp	$10^6$ đ	326.051	
-	Thủy điện Đồng Nai 4	$10^6$ đ	137.531	
-	Thủy điện Đồng Nai 5	$10^6$ đ	2.480	
-	Thủy điện Đăk Mi 3	$10^6$ đ	20.029	
-	Thủy điện Đăk Mi 4	$10^6$ đ	72.982	
-	Thủy điện Xêkaman 1	$10^6$ đ	90.850	
-	Công trình VIETMIDO	$10^6$ đ	2.178	
II	Ngoài xây lắp	$10^6$ đ	500	
-	Phục vụ xây lắp	$10^6$ đ	500	

#### **b) Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2011:**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Năm 2011	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	326.551	
2	Doanh số	10 <sup>6</sup> đ	314.059	
3	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	285.554	
4	Thu tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	270.000	
5	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	20.723	
6	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	46.630	
7	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	36.265	
-	Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	12,70	
-	Tỷ suất LNTT/ vốn chủ SH	%	28,93	
8	Đầu tư tài chính	10 <sup>6</sup> đ	35.503	
-	Công ty CP Thuỷ điện Đăk Đoa	10 <sup>6</sup> đ	503	
-	Công ty CP Thuỷ điện IA Hiao	10 <sup>6</sup> đ	10.000	
-	Đầu tư văn phòng tại Hà Nội	10 <sup>6</sup> đ	12.000	
-	Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nam	10 <sup>6</sup> đ	3.000	
-	Gạch ốp lát Đông Triều - Quảng Ninh	10 <sup>6</sup> đ	10.000	
9	Nhân lực	Người	670	
10	Thu nhập bình quân	10 <sup>3</sup> đ/th	7.374	
11	Tỷ lệ khấu hao	%	20%	
12	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%	

#### 4- Định hướng phát triển công ty giai đoạn 2011 - 2015

##### a) Định hướng :

- Ổn định và phát triển bền vững theo mô hình Công ty cổ phần.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh theo mô hình: Công ty và các Chi nhánh.
- Tập trung mọi nguồn lực, đầu tư theo hướng chuyên môn hóa cao để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm truyền thống.
- Từng bước mở rộng và chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh sang các thị trường mới có nhiều tiềm năng như: Xây dựng các công trình ngầm trong thành phố; Xử lý nền móng công trình; Khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng.....
- Tham gia góp vốn liên danh, liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để tiếp cận với các sản phẩm mới, thị trường mới, công nghệ sản xuất mới... nhằm mục đích đa dạng hóa sản phẩm, quảng bá thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh.....của Công ty trên thị trường trong nước và khu vực.

##### b) Mục tiêu nhiệm vụ:

- Giá trị SXKD hàng năm tăng 12%; đến năm 2015 đạt giá trị 458 tỷ đồng; Tổng giá trị SXKD trong nhiệm kỳ là: 1.851,60 tỷ đồng.
- Doanh thu hàng năm tăng từ 10% đến 12%; đến năm 2015 đạt giá trị 409 tỷ đồng; Tổng doanh thu trong nhiệm kỳ là: 1.672,35 tỷ đồng.

- Tiền về tài khoản đạt từ 95% đến 100% doanh thu.
- Lợi nhuận hàng năm đạt từ 10% đến 12% doanh thu; đến năm 2015 đạt giá trị 45,89 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận trong nhiệm kỳ là: 197,28 tỷ đồng.
- Không có nợ phải trả quá hạn;
- Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng hàng năm tăng 5%; đến năm 2015 đạt 8,18 triệu đồng/người/tháng.
- Kinh doanh xây lắp: Trong kinh doanh xây lắp vẫn lấy xây dựng các công trình thuỷ điện làm chủ đạo; tiến tới phát triển thêm một số ngành nghề kinh doanh đảm bảo phát triển bền vững.
- Phấn đấu trở thành một đơn vị xây lắp mạnh tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên với nhiều ngành nghề, sản phẩm, giàu kinh nghiệm, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và khu vực.
- Từng bước mở rộng và chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh doanh sang các thị trường mới có nhiều tiềm năng như: Xử lý nền móng công trình; Khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu; Tiếp cận với công nghệ xây dựng các công trình ngầm trong thành phố.

**c) Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu từ 2011 - 2015 :**

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tăng trưởng bình quân	%	12-15	12-15	12-15
2	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	46.740	46.740	70.000
3	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	326.551	365.737	409.626
4	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	285.554	332.155	370.336
5	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	270.000	310.000	350.000
6	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	20.723	33.215	37.034
7	Lợi nhuận	10 <sup>6</sup> đ	36.265	39.892	43.083
-	Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	%	12,70	12,01	11,63
-	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ	%	77,59	88,65	61,55
8	Giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	35.000	35.972	43.433
9	Nhân lực	Người	670	750	800
10	Thu nhập bình quân	10 <sup>3</sup> đ/th	7.374	7.595	7.747

**IV – BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

**1- Báo cáo tình hình tài chính:**

I.A. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	NỘI DUNG	NĂM 2009	NĂM 2010
I	Tài sản ngắn hạn	173.801.969.009	216.433.818.772
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13.706.295.616	12.729.384.049
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	99.040.685.921	141.640.107.092

4	Hàng tồn kho	60.203.476.164	61.017.848.834
5	Tài sản ngắn hạn khác	851.511.308	1.046.478.797
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>86.940.087.591</b>	<b>79.700.018.900</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	81.614.837.591	73.574.768.900
	- TSCĐ hữu hình	77.944.075.091	69.904.006.400
	- TSCĐ vô hình	3.670.762.500	3.670.762.500
	- TSCĐ thuê tài chính	-	-
	- Chi phí XDCB dở dang	-	-
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.625.250.000	6.125.250.000
5	Tài sản dài hạn khác	700.000.000	-
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>260.742.056.600</b>	<b>296.133.837.672</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>187.689.060.852</b>	<b>186.170.132.062</b>
1	Nợ ngắn hạn	138.623.318.479	144.211.621.579
2	Nợ dài hạn	49.065.742.373	41.958.510.483
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>73.052.995.748</b>	<b>109.963.705.610</b>
1	Vốn chủ sở hữu	73.052.995.748	109.963.705.610
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.000.000.000	38.950.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	453.200.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ (*)	-	(1.314.614.025)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	31.643.788.651	47.090.840.303
	- Lợi nhuận sau thuế cha phân phối	22.409.207.097	24.784.279.332
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>260.742.056.600</b>	<b>296.133.837.672</b>

#### II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2009	NĂM 2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.661.457.743	214.273.008.395
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	178.661.457.743	214.273.008.395
4.	Giá vốn hàng bán	135.050.199.265	158.289.154.928
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.611.258.478	55.983.853.467
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	161.528.360	338.882.770
7.	Chi phí tài chính	9.639.695.345	16.100.784.756

	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	8.419.817.253	14.202.361.384
8.	Chi phí bán hàng	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.099.965.494	12.780.371.155
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.033.125.999	27.441.580.326
11.	Thu nhập khác	29.864.228	592.253.973
12.	Chi phí khác	683.320.701	723.113.053
13.	Lợi nhuận khác	(653.456.473)	(130.859.080)
14.	Tổng lợi nhuận trước thuế	24.379.669.526	27.310.721.246
15.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.970.462.429	2.151.897.304
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.409.207.097	25.158.823.942
17.	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)	11.794	6.459
18.	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	2.500	3.000

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009	NĂM 2010
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	33,34%	26,91%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66,66%	73,09%
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	71,98%	62,87%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28,02%	37,13%
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,389	1,591
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,254	1,501
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,099	0,088
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	%	13,65%	12,75%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /doanh thu thuần	%	12,54%	11,74%
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	8,76%	9,81%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	8,05%	9,04%
--	---	-------	-------

d) **Vốn cổ đông:** Vốn điều lệ đăng ký trên giấy phép kinh doanh của Công ty là: 45.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp là: 38.950.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.) Trong đó :*

- Vốn góp của cổ đông sáng lập: 18.302.000.000 VND
- Vốn góp của các cổ đông khác: 20.648.000.000 VND

(Công ty cổ phần Sông Đà 10 là cổ đông sáng lập)

e) **Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:** 3.895.000 cổ phiếu loại phổ thông.

f) **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 3.840.300 cổ phiếu loại phổ thông.

*Trong đó:*

- Cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện: 0
- Cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.840.300

g ) **Số lượng trái phiếu đang lưu hành đến 31/12/2010:** 00

k ) **Số lượng cổ phiếu quỹ đến 31/12/2010:** 54.700 cổ phiếu loại phổ thông.

n ) **Cổ tức:** Chia cổ tức cho các cổ đông tỷ lệ 30% (*trong đó: 10% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu*) từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2010.

## 2/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

### a) Những thuận lợi, khó khăn:

- **Thuận lợi:** Bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 2011, Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 có những thuận lợi sau:
  - Nhà nước đã ban hành những cơ chế thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư cũng như các lĩnh vực khác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư phát triển của Công ty.
  - Công ty đã tích luỹ được nhiều bài học kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, chỉ đạo, điều hành và quản lý SXKD, tạo được thương hiệu Sông Đà 10.1
  - Công tác tổ chức hoạt động từng bước được sắp xếp và ổn định phù hợp theo mô hình Công ty cổ phần và luật doanh nghiệp mới.
  - Công ty đã và đang chuẩn bị đầu tư một nguồn lực lớn về xe máy thiết bị, công nghệ mới hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD.
  - Với uy tín, thương hiệu của Công ty cổ phần Sông Đà 10.1, hiện tại Công ty đã ký được nhiều hợp đồng thi công xây lắp các công trình có giá trị lớn như: thuỷ điện Đồng Nai 4, thuỷ điện Đăk Mi 4, thuỷ điện Xêcamản 1....

### b) Khó khăn:

- Năm 2011 được đánh giá nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, nhưng nguy cơ lạm phát cao khiến tăng trưởng tín dụng bị hạn chế, lãi suất cho vay của các ngân hàng tăng theo phương án thỏa thuận lãi vay. Do vậy nguồn vốn của Chủ đầu tư, nguồn vốn của doanh nghiệp cho hoạt động SXKD và đầu tư là rất khó khăn.
- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh rất nặng nề, cùng một lúc triển khai thi công nhiều công trình, dàn trải trên địa bàn nhiều tỉnh trong nước và ngoài nước, giá trị khối lượng công việc lớn, tiến độ và cường độ thi công rất căng thẳng.
- Thị trường việc làm: Cảnh tranh ngày càng gay gắt trong công tác xây lắp cũng như đầu tư, đặc biệt là công trình thuỷ điện.

- Về nguồn nhân lực: Trong những năm qua, tuy đã đào tạo được một lực lượng lớn cán bộ công nhân viên. Nhưng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật còn thiếu cả về số lượng và chất lượng theo yêu cầu tăng trưởng.
- Các công trình công ty tham gia thi công phân tán tại nhiều địa bàn cách xa nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và chỉ đạo SXKD kéo theo bộ máy quản lý mở rộng, phát sinh chi phí quản lý.
- Các công trình mà đơn vị tham gia thi công thường là các công trình trọng điểm, thời gian thi công kéo dài và chưa được phê duyệt dự toán chính thức, thiếu vốn trong thanh toán dẫn đến công tác nghiệm thu thanh toán chậm trễ, khó khăn.
- Giá cả các loại nguyên liệu, vật liệu đầu vào năm 2011 tiếp tục tăng cao đột biến trong khi chính sách điều chỉnh vĩ mô bù giá cho các công trình của các cơ quan có thẩm quyền chưa được kịp thời do đó dẫn đến việc ứ đọng vốn rất lớn làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD.

## V- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán theo qui định của luật doanh nghiệp và Ủy ban chứng khoán nhà nước. Những nội dung cơ bản của báo cáo tài chính năm 2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đã được đăng tải trên bản công bố thông tin tài chính năm.

## VI- BẢN GIẢI TRÌNH VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

### 1- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội

### 2- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 10.1:

+ Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

+ Phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan.

## VII- CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

### 1- Công ty mẹ:

Công ty cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị nắm giữ: 46,99% vốn điều lệ thực góp của Công ty tương ứng : 18.302.000.000, VNĐ

### 2- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty mẹ:

Công ty cổ phần Sông Đà 10 có trụ sở tại Tầng 5, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội được thành lập theo quyết định số: 54/ BXD/TCCB ngày 11/02/1981 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, đơn vị có nhiều tên gọi khác nhau, như Công ty Xây dựng Công trình Ngầm, Công ty Xây dựng Công trình Ngầm Sông Đà 10 và đổi tên thành Công ty Sông Đà 10 vào năm 2002. Trên cơ sở chuyển đổi từ doanh

nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0103010419 ngày 22/12/2005 do sở KH-ĐT thành phố hà nội cấp với ngành nghề kinh doanh chính là :

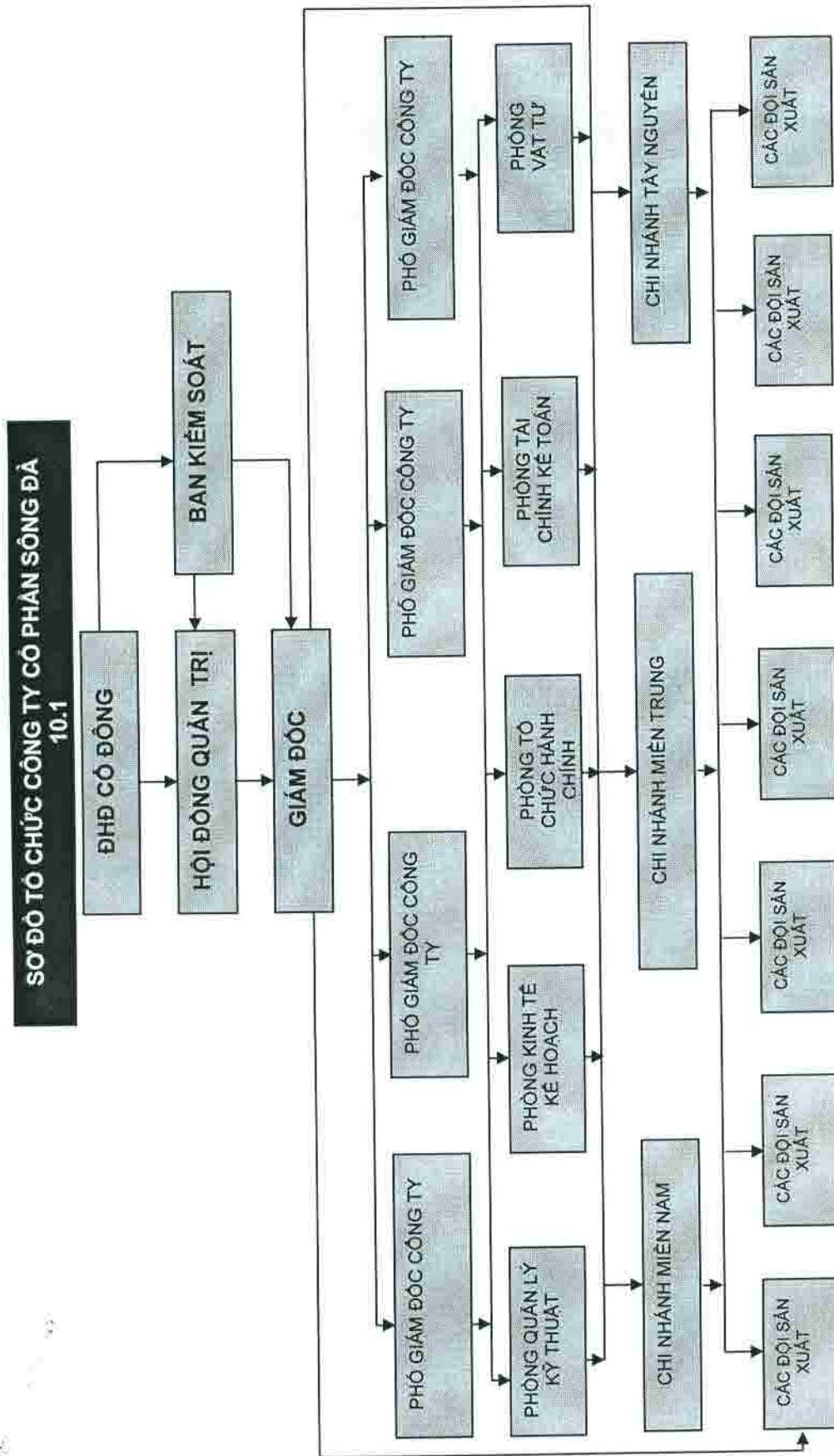
- ✓ Xây dựng các công trình ngầm và dịch vụ dưới lòng đất;
- ✓ Xây dựng công trình thuỷ điện, thuỷ lợi, giao thông và xây dựng công trình khác;
- ✓ Xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng, nhà ở;
- ✓ Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản;
- ✓ Tư vấn xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- ✓ Trang trí môi thất;
- ✓ Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng và cầu kiện bê tông;
- ✓ Sản xuất kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- ✓ Sửa chữa cơ khí ôtô, xe máy;
- ✓ Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;
- ✓ Kinh doanh và xuất nhập khẩu phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng ...;
- ✓ Đầu tư xây lắp các công trình thuỷ điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm;
- ✓ Nhận uỷ thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- ✓ Xây dựng các khu công nghiệp, cảng biển;
- ✓ Kinh doanh bất động sản;
- ✓ Tổng số cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty: 1.830.200, chiếm tỷ lệ 46,99% / vốn điều lệ.

### VIII – TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY :

#### 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 theo sơ đồ dưới đây, bao gồm:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG ĐÀ**  
10.1



## **2. Các phòng, ban trong Công ty**

### **2.1. Phòng Tổ chức Hành chính**

Có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Giám đốc điều hành Công ty thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Lập phương án sắp xếp, cải tiến tổ chức sản xuất, quản lý đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng, quản lý, điều động hợp lý, thực hiện các chế độ chính sách đối với CBNVC, đáp ứng yêu cầu sản xuất vì sự phát triển của Công ty.
- Quản lý nhà cửa, trang thiết bị văn phòng, ô tô con, ô tô phục vụ.
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý, điều hành SXKD.
- Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;

### **2.2. Phòng Quản lý Kỹ thuật**

- Giúp HĐQT, Giám đốc Công ty thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, quản lý công tác tiếp thị, đấu thầu, công tác an toàn và bảo hộ lao động.
- Mọi hoạt động của phòng quản lý kỹ thuật triển khai thực hiện trên cơ sở các quyết định, công văn của Nhà nước của Tập đoàn về các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý kỹ thuật, tiếp thị đấu thầu, an toàn lao động.

### **2.3. Phòng Vật tư- Cơ giới**

- Quản lý về mọi mặt, bằng các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật nhằm tăng cường khả năng làm việc và sử dụng có hiệu quả theo quy định đối với các trang thiết bị, xe máy của Công ty.
- Đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu vật tư, phụ tùng, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt.

### **2.4. Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Giúp HĐQT, Giám đốc Công ty trong các công tác:

- Công tác kinh tế - kế hoạch, mua sắm thiết bị, xe máy.
- Công tác quản lý hợp đồng kinh tế, công tác đầu tư.
- Đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu vật tư, vật liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, thi công.
- Quản lý và đưa vào sử dụng hợp lý các loại vật tư, vật liệu.
- Xây dựng phương án kinh doanh vật tư, vật liệu.

### **2.5. Phòng Tài chính - Kế toán**

- Giúp HĐQT, Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức bộ máy Tài chính - kế toán - thống kê trong Công ty.
- Giúp HĐQT, Giám đốc Công ty kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền đối với các hoạt động kinh tế, tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn.
- Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Công ty đã đáp ứng được với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Với việc phân cấp mạnh của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường,... cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Công ty. Công ty vẫn giữ được vai trò trung tâm điều phối hoạt động của các đơn vị thông qua quy chế quản lý chung.

### **3. Các đội sản xuất trực thuộc**

- 03 đội Bê tông: Có nhiệm vụ chính là đổ bê tông các hạng mục công trình của nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 4, Xê ka mản 1...
- 08 đội Khoan nổ: Có nhiệm vụ chính là khoan nổ hở, thi công mặt bằng, khoan nổ sử lý các hang mục công trình nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 4, Đắc Mi 4, Xêkaman 1..
- 03 đội Khoan hầm: Có nhiệm vụ chính là khoan nổ hầm, thi công mặt bằng, khoan nổ sử lý và khoan hầm các hạng mục công trình nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 4, Đắc Mi 4, Xê ka mản 1..
- 02 đội Khoan phun: Có nhiệm vụ chính là khoan phun chống thấm các hạng mục công trình nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 4, Đắc Mi 4, Xê ka mản 1...
- 03 đội Tổng hợp: Có nhiệm vụ chính là gia công, sửa chữa, kiểm tu phục vụ xe máy thiết bị, phục vụ điện chiếu sáng ngoài hiện trường.
- 01 đội Nạp - Nổ mìn: Có nhiệm vụ chính là nổ mìn các hạng mục công trình nhà máy thuỷ điện Đồng Nai 4, Đắc Mi 4, Xê ka mản 1...
- 01 đội bảo vệ: Có nhiệm vụ chính bảo vệ tài sản máy móc thiết bị của Công ty tại các công trình do Công ty đảm nhận thi công.

### **4. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty.**

#### **4.1. Đại hội đồng cổ đông.**

: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính

cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

#### **4.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HDQT bầu ra.

#### **4.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của Công ty gồm có 03 thành viên.

#### **4.4. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 gồm có 04 thành viên, trong đó có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HDQT, Điều lệ Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

#### **2- Những thay đổi trong bộ máy lãnh đạo Công ty:**

- Hội đồng quản trị: Không thay đổi.
- Ban kiểm soát : Không thay đổi.
- Ban giám đốc: Không thay đổi.
- Kế toán trưởng: Không thay đổi.

#### **3- Chế độ chính sách áp dụng đối với CBCNV trong Công ty:**

##### **a. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát:**

- Các chi phí cho thành viên HDQT, BKS như : phương tiện làm việc, chi phí đi lại và các chi phí thường xuyên khác được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo qui định chuẩn mực kế toán và qui định về thuế TNDN.
- Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2010: 552.000.000, đồng.
- Kế hoạch tiền thù lao của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2011 là: 552.000.000, đồng.

##### **b. Ban giám đốc :**

- Giám đốc Công ty được trang bị xe con, phòng làm việc và các phương tiện cần thiết để đảm bảo điều kiện làm việc một cách tốt nhất.
- Tiền lương, tiền thưởng được trả theo qui chế trả lương do HĐQT phê duyệt trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch và hiệu quả SXKD trong năm.
- Trên cơ sở kết quả SXKD đã đạt được năm 2010, HĐQT đã thông qua việc phê duyệt tiền lương cho Giám đốc điều hành công ty với tổng tiền lương chi trả là: 437.193.300,đồng, trong đó tiền lương thời gian: 77.193.300,đồng.

**c. CBCNV trong Công ty:**

- Công ty trả lương cho CBCNV theo qui chế trả lương khoán do Giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành và đơn giá định mức nội bộ. Tổng số tiền lương chi trả cho CBCNV năm 2010 là: 37.483.829.356,đồng; thu nhập bình quân CBCNV là: 6.467.000,đồng/người/tháng
- Chính sách của Công ty là đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên phát động các đợt thi đua lao động SX nhằm kích thích tăng năng suất lao động.

## **IX – THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

### **1- Thành viên và cơ cấu HĐQT, BKS, ban lãnh đạo Công ty:**

**• Hội đồng quản trị:**

1/ Ông : Trần Ngọc Lan	- Kỹ sư	- Chủ tịch
2/ Ông : Nguyễn Văn Tánh	- Kỹ sư	- ủy viên kiêm GD điều hành
3/ Ông : Vũ Văn Tính	- Kỹ sư	- ủy viên
4/ Ông : Nguyễn Văn Bảy	- Kỹ sư	- ủy viên
5/ Ông : Phùng Văn Vân	- Kỹ sư	- ủy viên

**• Ban giám đốc:**

1/ Ông: Nguyễn Văn Tánh	- Kỹ sư	- Giám đốc điều hành
2/ Ông: Phùng Bá Thiết	- Kỹ sư	- Phó giám đốc
3/ Ông: Phùng Văn Vân	- Kỹ sư	- Phó giám đốc
4/ Ông: Lê Doãn Sâm	- Kỹ sư	- Phó giám đốc

**• Ban kiểm soát:**

1/ Ông: Trần Tuấn Linh	- Tiến sỹ kinh tế	- Trưởng ban
2/ Ông: Trần Văn Hiền	- Trung cấp kế toán	- Thành viên
3/ Ông: Đinh Thế Điện	- Kỹ sư	- Thành viên

**• Kế toán trưởng:**

Ông: Trần Quốc Hùng

- Cử nhân TC-KT

## 2- Hoạt động của HĐQT và BKS

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình theo qui định tại Điều lệ và tổ chức của Công ty theo kế hoạch hoạt động được lập hàng tháng, quý, năm, thường xuyên kiểm tra giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD, kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện.

## 3- Thủ lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS

Thủ lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS được chi trả theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm. Trên cơ sở kết quả SXKD đã đạt được năm 2010 và các hoạt động trong việc quản lý, giám sát của HĐQT và BKS. HĐQT đã thông nhất thông qua nghị quyết trình ĐHĐCĐ thông qua mức thù lao năm 2011 là: 552.000.000, đồng.

Các chi phí cho thành viên HĐQT, BKS như : phương tiện làm việc, chi phí đi lại và các chi phí thường xuyên khác được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo qui định chuẩn mực kế toán và qui định về thuế TNDN.

## 4- Các dữ liệu thống kê về cổ đông tính đến ngày 12/03/2010:

### 4.1. Cổ đông trong nước:

- Cơ cấu cổ đông:

STT	Nội dung	SL cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>1.792.770</b>	<b>46,03%</b>	
1	Đã lưu ký	1.735.550	44,56%	
2	Chưa lưu ký	57.200	1,47%	
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>2.102.230</b>	<b>52,39%</b>	
1	Đã lưu ký	2.093.390	52,16%	
2	Chưa lưu ký	8.840	0,23%	
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.895.000</b>	<b>98,42%</b>	

- Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp (Ngành nghề)	SL cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ SH trong Cty
1	Công ty cổ phần Sông Đà 10	Tầng 5, tòa nhà Sông Đà - Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Xây dựng cơ bản	1.830.200	46,99%

### 4.2. Cổ đông nước ngoài:

- Cơ cấu cổ đông:

STT	Nội dung	SL cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu trong Công ty	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>36.100</b>	<b>0,92%</b>	
1	Đã lưu ký	36.100	0,92%	
2	Chưa lưu ký	-	-	
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>25.600</b>	<b>0,66%</b>	
1	Đã lưu ký	25.600	0,66%	
2	Chưa lưu ký	-	-	
<b>Tổng cộng</b>		<b>61.700</b>	<b>1,58%</b>	

- Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Nghề nghiệp (Ngành nghề)	S.L cổ phần năm giữ	Tỷ lệ SH trong Công ty

Dữ liệu thống kê về các cổ đông trên đây được cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán đến ngày 12/03/2011 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh T.P Hồ chí Minh cung cấp.

## X – CÁC THÔNG TIN KHÁC:

### 1- Những hoạt động và đóng góp của Công ty đối với xã hội

Năm 2010 thực hiện Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 và Nghị quyết số: 166 TCT/HĐQT ngày 24/03/2010 của Tập đoàn Sông Đà về việc hỗ trợ kinh phí các huyện nghèo tỉnh Sơn La. Công ty cổ phần Sông Đà 10.1 đã chuyển tiền đóng góp là: 200.000.000, đồng trích từ nguồn lợi nhuận năm tài chính 2009. Cũng trong năm 2010 Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với Ban chấp hành công đoàn công ty vận động CBCNV trong toàn công ty đóng góp ủng hộ các hộ nghèo tỉnh Nam Định được số tiền là: 20.000.000, đồng và ủng hộ đồng bào Miền Trung bị lũ lụt số tiền được số tiền là: 30.000.000 đồng.

### 2- Các hoạt động đối ngoại với nhà đầu tư.

#### Nơi nhận :

- UBCKNN
- Sở GDCK Hà Nội
- Lưu VP Công ty

#### GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Văn Tánh